



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : _____ Yes, _____ No

EXIT VISA: _____ Yes _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM DUONG VAN VINH
Last Middle First

Current Address 388 to 14 Tan Thuan - Tan Thuan Dong - Chau Giang
Date of Birth 12-11-1946 Place of Birth Thuan Thien Dong Thuy

Previous Occupation (before 1975) 1. Lieutenant & ARVN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 06-20-1975 To 08-30-1980

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
<u>Nguyen Thanh Kim</u>	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
BUI NGOC ANH	11-27-1947	wife
DUONG DUONG PHUC	03-07-1968	son
DUONG HUU HUNG	10-18-1970	son
DUONG TRI NHAN	01-10-1973	son
DUONG THIEN TRUNG	04-18-1976	son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : ☐ Yes, ☐ No

EXIT VISA: ☐ Yes ☐ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM DUONG VAN VINH
Last Middle First

Current Address 388 to 14 - Tan Thuan - Tan Thuan Dong - District - Dong Thap

Date of Birth Nov 12 - 1946 Place of Birth Thuan Thuan

Previous Occupation (before 1975) 1. Lieutenant 2 ARVN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 06-1975 To 08-1980

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

Nguyen Thanh Tam

brother in law

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
BUI NGUYEN ANH	21-27-1947	wife
DUONG QUANG PHUC	07-01-1968	son
DUONG HUU HUNG	10-18-1970	son
DUONG TRI NHAN	10-01-1973	son
DUONG THIEN TRANG	18-02-1976	son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Linh giới:

Ông Ch. ? - tích - chương - trình ODP.

Họ và tên: Dương - Văn - Vinh, số quân 66/101258

Cấp bậc: Thiếu - úy, Khóa: 1/70 Sĩ - quan Nha Trang.

Chức vụ: Đại - đội - trưởng.

Ngày và nơi sinh: Ngày 11. 12. 1946 Tại Thừa - Thiên

Quốc tịch: Việt - Nam, Tôn - giáo: Phật - giáo.

Tình trạng gia - đình: 1 vợ và 4 con.

Địa chỉ: Số 388, tổ 14, ấp Gầm - Truân, xã: Gầm - Truân -
Đông, huyện: Châu - Thành, tỉnh: Đồng - Tháp.

Học - vấn: Lớp 12 (đầu từ tại II).

Trước ngày 30 - 4 - 1975:

từ năm 1946 - 1958: Học xong bậc tiểu học tại Thừa - Thiên

từ năm 1958 - 1965: Học tại trường Thiếu - sinh - Quân (vùng Tây)
xong lớp 12 (từ tại II).

từ năm 1965 - 1970: Ra trường Thiếu - sinh - Quân về phục vụ
tại Sư - đoàn 9 Bộ - binh.

Năm 1969: Được học Khóa Sinh - ngũ Quân - đội ở
Bộ Tổng - Tham - Mưu (Saigon).

Năm 1970: Theo học Khóa 1/70 Sĩ - quan tại
Nha - Trang. tốt nghiệp về phục vụ ở Trung
đoàn 14 Sư đoàn 9 BB với chức vụ Sĩ - quan
Tiếp - liệu.

Năm 1972: Chuyển sang phục vụ tại Đại
đội Trinz - Sát 31 Thuộc Trung đoàn 31
Sư - đoàn 21 BB với chức vụ Đại đội phó

Năm 1973: Theo học Khóa Viên - Tham tại Trường
Biệt - Động - Quân (Đục mý Nha Trang)

tốt nghiệp về phục vụ ở Tiểu-đoàn 1 Trung-
đoàn 31 Sư-đoàn. 1 Bộ binh với chức vụ Đại
Đội-trưởng cho tới ngày 30-4-75.

Sau ngày 30-4-1975:

Ngày 20-6-1975: tập trung học tập cải-thai tại Đầm-lát
Sắc.

Năm 1976: chuyển vào Đồng Cát (cao Lãng).

Năm 1978: chuyển qua Lâm-Biên (cao Lãng)

ở đây 1 Tháng rồi chuyển tiếp lên Khám chi-Hoà
(Saigon) ở đây mãi tới 30-8-1980 mới được thả về.

Tổng gian học-tập cải-tạo là: 5 năm 2 Tháng 10 ngày.

Hiện về sống với gia-đình theo địa chỉ trên và Lâm-Rừng

Gên họ và em Ngay Tháng năm Sanh:

1. Bô-ni-ngọc-Anh sanh ngày 27-11-1947 vợ.
2. Dư-ông-quang-Phúc " 01-3-1968 em trai
3. Dư-ông-hữu-Hưng " 18-10-1970 nt
4. Dư-ông-hi-Nhâm " 10-01-1973 nt
5. Dư-ông-thiên-Trung " 18-4-1976 nt
6. Nguyễn-Thị-xuân-Mai " 20-10-1952 em gái.

Tất cả đều sống chung ở địa chỉ trên. Riêng Nguyễn-Thị-Xuân

Mai (em gái) thì sống ở địa chỉ: 11/8 đường Nguyễn-Huê

Khóm I, phường II thị xã Sắc tỉnh Đồng-Chấp.

Thành nhân ở nước ngoài: Nguyễn-Chanh-Kim (em trai)

Địa chỉ:

Sang USA năm 1980

Hình xin Ông tổng lượng cầu xét bỏ những câu
của tôi, chấp thuận cho tôi và gia-đình sớm được sang

đính cử tại Hoa-Kỳ.

Lý do: ^{phần hợp với chầy đó} Đời sống một ngày, công Khó Khăn vì không
xin ông nhậm nơi đây long Thành thật
biết ơn của tôi

Hồ Sơ gồm có:

1- Lá đơn viết tay.

6- Khai Sanh Co hình (Photo)

1- Hôn Thú (Photo)

1- tờ hồ Khẩu (Photo)

1- Cầm cửa (Photo)

1- giấy ra trại Co hình (Photo)

kinh đơn

Vinh..

BỘ NỘI VỤ

ĐIỀU HÀNH

CHỖ CHỖ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001

QTTG và hành

thời gian

có 2505 ngày

21/11/1973



GIẤY RA TRẠI

Nội vụ: Theo thông tin số 906-BCT/TT ngày 3. tháng 6 năm 1961 của Bộ

Thị hành an ninh, quyết định tạm có 118 ngày 25. tháng 08. năm 1980 của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy ra cho ông, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: DƯƠNG VĂN VINH

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1946

Nơi sinh: Thừa Thiên

Nơi đăng ký nhân thân thường trú trước khi bị bắt

Tân Thuận Đông, Châu Thành Đông, Hải Phòng

Cán tới Thiếu uý Tân binh nguy

Bị bắt ngày 20-6-1975 tại Hải Phòng

Theo quyết định, án số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần công nhân năm

Đã được giảm án lần, công nhân tháng

Nay về cư trú tại 11/8 Phan Thanh Giản, Sa Đéc

Nhận xét quá trình tái tạo,

(Quản chế mười hai tháng tại địa phương)

Lên tay ngón trở phải họ tên chủ ký
của DƯƠNG VĂN VINH

Danh bên số 698

Lập tại Sa Đéc

Ngày 8 tháng 8 năm 1980

Phạm Thị

Đang Văn Vĩnh

Đại úy: PHAN THANH LIÊM

BỘ NỘI VỤ
HỢP
CH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Mẫu số 001
QLTQ và hành
tho
số 2505 ngày
21/11/1973



GIẤY RA TRẠI

Nội vụ: Thị hành an văn, quyết định tạm giam số 118 ngày 25 tháng 08 năm 1980 của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho ông, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: DƯƠNG VĂN VINH

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1946

Nơi sinh: Thừa Thiên

Nơi đăng ký nhân thân thường trú trước khi bị bắt

Tân Thuận Đông, Châu Thành Đông, Hải Phòng

Cán tội Thiếu uý, Tán binh nguy

Bị bắt ngày 20-6-1975

Theo quyết định, án số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần công nhân năm

Đã được giảm án lần, công nhân tháng

Nay về cư trú tại 11/8 Phan thành Giản, Sa đóc

Nhận xét quá trình cải tạo,

(Quản chế mười hai tháng tại địa phương)

Lên tay ngón trở phải họ tên chủ ký
của DƯƠNG VĂN VINH

Danh bản số 698

Lập tại Sa đóc

Ngày 8 tháng 8 năm 1980
Phạm Chí

Đang Văn Vĩnh

Đại uý: PHAN THANH LIÊM

Chuyển đến _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Ký tên đóng dấu

Chuyển đến _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Ký tên đóng dấu

Chuyển đến _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Chuyển đến _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Nội dung _____

Nội dung _____

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Trưởng công an _____

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Trưởng công an _____

Nội dung _____

Nội dung _____

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Trưởng công an _____

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Trưởng công an _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số: 21892381-7/A

Họ và tên chủ hộ: Bùi Ngọc Anh

Số nhà: 288 Ngõ (hẻm): _____

Đường phố: Đường 14 Quận CAND: Quận Tân Bình

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Nhà ở của gia đình chủ hộ
Tỉnh, thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 11 tháng 4 năm 87

Trưởng công an Huyện

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Số NK 3

Trưởng Công An

NIÊN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN Tên thường gọi	Ngày tháng năm sinh	Nam Nữ	Quan hệ với Chủ hộ	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Số CM hoặc C.CC	Ngày, tháng năm đăng ký nhà khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Ký tên người đăng kê cơ quan có thẩm quyền
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Bùi Ngọc Hết	1944	Nữ	Cm	Lưu học bổng		19/8/87		
2	Dương Quang Phấn	1968	Nam	Cm	TB.				
2	Mỹ Hạnh	1970	"	"	"				
4	Mĩ Dung Văn Xuân	1973	"	"	"				
5	Mỹ Dung Xuân Xuân	1976	"	"	"				
6	Dương Văn Diên	1946	Nam	Chồng	Tôn giáo				
					ĐÃ ĐĂNG KÝ				

Lĩnh vực gọi:

Ông Ci tiết chương trình ODE.

Họ và tên: Dương Văn Vinh, số quân 66/101258

Cấp bậc: Thiếu úy, Khóa: 1/70 Sĩ quan Nha Trang.

Chức vụ: Đại đội trưởng.

Ngày và nơi sinh: Ngày 11-12-1946 tại Thủ Đức.

Quốc tịch: Việt Nam, Tôn giáo: Phật giáo.

Tình trạng gia đình: 1 vợ và 4 con.

Địa chỉ: Số 388, tổ 14, ấp Gòn - Thuận, xã Gòn - Thuận -
Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Học vấn: Lớp 12 (tức tú tài I).

Thời gian ngày 30-4-1975:

từ năm 1946-1958: Học xong bậc tiểu học tại Thủ Đức.

từ năm 1958-1965: Học tại trường Thiếu sinh Quân (vùng Nam)
xong lớp 12 (tức tú tài I).

từ năm 1965-1970: Ra trường Thiếu sinh Quân về phục vụ
tại Sư đoàn 9 Bộ binh.

Năm 1969: Được học Khóa Sĩ quan - Dự bị ở
Bộ Tổng Tham Mưu (Saigon).

Năm 1970: Được học Khóa 1/70 Sĩ quan tại
Nha Trang, tốt nghiệp về phục vụ Sư đoàn
trên 14 Sư đoàn 9 Bộ binh về phục vụ Sĩ quan
Tiếp liệu.

Năm 1972: Chuyển chuyển sang phục vụ tại Đại
đội Trinz-Sat 31 thuộc Trung đoàn 31
Sư đoàn 21 Bộ binh về phục vụ Đại đội pháo

Năm 1973: Được học Khóa Viên Tham Mưu tại Trường
Biệt Động quân (Đầu mũi Nha Trang).

tốt nghiệp và phục vụ ở Tiểu đoàn 1 Trung
đoàn 31 Sư đoàn. Bồi dưỡng với chức vụ Đại
Đôn. Trước cho tới ngày 30-4-75.

Sau ngày 30-4-1975:

Ngày 20-6-1975: Tập huấn học tập tại Đại đoàn Lữ
Sát.

Năm 1976: Chuyển vào Đồng cắt (cao Lanh).

Năm 1978: Chuyển qua Lâm-Biên (cao Lanh).

Ở đây 1 tháng rồi chuyển tiếp lên Khám chi Hoa
(Saigon) ở đây mãi tới 30-8-1980 mới được đưa về.

Tổng cộng học tập tại đây là: 5 năm 2 tháng 10 ngày.
Hiện tại sống với gia đình theo địa chỉ trên và Lâm Bằng.

Phụ gia và vợ con ngày tháng năm sinh:

Phụ gia gốc Hào sinh ngày 27-11-1947. Vợ.

Đường Quang Phức " 01-3-1968 Con trai

Đường Xuân Hùng " 18-10-1970 " "

Đường Tiến Xuân " 29-02-1973 " "

Đường Thiên Trường " 18-4-1976 " "

Nguyễn Thị Kiều Mai " 20-10-1952 Con gái.

Hiện tại gia đình sống chung ở địa chỉ trên. Riêng Nguyễn Thị Kiều

Mai (con gái) thì sống ở địa chỉ: 11/8 Đường Nguyễn Huệ

Thị trấn I, phường I, thị xã Satté tỉnh Đồng - Tháp.

Hiện nay ở miền ngoài: Nguyễn Thị Kiều - Kim (con trai)

Địa chỉ: 13 HILLWARD AVE CENTRAL ISLE NY 11722 USA.

Sau năm 1980.

Hiện tại gia đình sống chung ở địa chỉ trên. Riêng Nguyễn Thị Kiều

Mai (con gái) thì sống ở địa chỉ: 11/8 Đường Nguyễn Huệ

Hiện tại gia đình sống chung ở địa chỉ trên. Riêng Nguyễn Thị Kiều

Mai (con gái) thì sống ở địa chỉ: 11/8 Đường Nguyễn Huệ

Thị trấn I, phường I, thị xã Satté tỉnh Đồng - Tháp.

Hiện nay ở miền ngoài: Nguyễn Thị Kiều - Kim (con trai)

Hồ sơ gồm có:

1- Là đơn viết tay

6- Khai Sanh. Có hình (Photo)

1- Hôn Thê (Photo)

1- Tổ hồ Khẩu (Photo)

1- Cầm Cờ (Photo)

1- Giấy ra khỏi có hình (Photo)

Hiện tại

Hiện tại



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **340504876**

Họ tên **DƯƠNG-VĂN-VĨNH.**



Sinh ngày **1946**

Nguyên quán **Thủy-Phương,
Hương-Thủy, Bình-Trị-Thiền**

Nơi thường trú **Tân-Thuận, Tân-
Nhuận-Đông, Châu-Phước, D-Thập**

Dân tộc:		Kinh Tơng giáo:		Không	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH			
		Nốt ruyệt 0,2cm trên sau cánh mũi phải.			
		DT 11 / 01 / 1985 THƯỜNG TỰ CÔNG AN			

Sudéc 30-11-1987.

Kính Thăm chị.

Được biết chị - qua một vài lần nghe giọng nói - gần đây hẳn hết là lần gặp anh 2 Nam lại hiểu biết chị nhiều hơn. Hôm nay tôi viết thư này trước hết kính thăm chị và gia đình. Sau đây nhờ chị giúp đỡ tôi, công việc như anh 2 Nam và anh 2 Lâm - Vì Anh Sống - quá khó khăn cũng như vị trí của những người chung số phận mong chị hiểu và cố gắng giúp đỡ cho tôi.

Sau đây tôi cho chị 2 địa chỉ: 1 là Huỳnh-văn-Sơn 3425 NE 67th POTLAND OR 97213 USA, đây là Ông 2 Sơn chủ xe đồ Tăm-phát trở đó, là cô đường của tôi, được sang Mỹ cách đây 5 năm trong vùng xung hợp gia đình. và địa chỉ 2 là Nguyễn-Thánh-Tâm, 13 HILLIARD AVE ~~WTRK~~ ISLIP NY 11722 USA. Đây là em ruột của vợ tôi, hiện đang học kỹ-sĩ điện tử - qua này năm 1980. để chị khỏi bỏ ngỡ khi cô đường hoặc em của tôi liên lạc với chị và người lại.

Cứu năm 83-84 tôi đã gửi 5 lần hồ sơ qua T.âm nhưng không thấy tin tức gì cả, gần đây tôi có biên thư cho cô đường và em tôi để nhờ họ liên lạc với chị để hỏi thăm tin tức cũng như nhờ chị giúp đỡ những cháu Thấy Ká Lh.

Nếu hồ sơ của tôi có trở ngại gì, và hết quá ra sao xin chị cho biết qua thư chị Thăm Anh 2 Nam hay anh 2 Lâm gia đình tôi hiện sống gần anh 2 Lâm. để khỏi làm mất tin tức của chị. Rất mong tin chị.

Ước thư chúc chị nhiều sức khỏe và đầy nghị lực.

Thân mến chào chị

Yên



ĐƯỢC GIẢI THƯỞNG NGÀY 3 THÁNG 6 NĂM 1961 CỦA

THỦ TƯỚNG AN TÂN, VIỆT NAM CỘNG HÒA SỐ 118 NGÀY 20 THÁNG 06

NĂM 1980 CỦA BỘ NỘI VỤ

ĐỂ GIẢI THƯỞNG VÀO AN TÂN NHÌN CẦU ĐÁY

Họ, tên thật: DUONG VAN VINH

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1946

Nơi sinh: Thị trấn

Số đăng ký nhân thân trước khi đi tù

Tên thật: Ông, Ông Thành Ông Hai Ông Thập

Cán bộ Thiếu niên, Tân binh ngày

Bị bắt ngày 20-6-1975 ở phạt

Theo quyết định, án tử, ngày tháng năm

Đã bị tăng án lần tăng thêm năm

Đã được giảm án lần, cộng thêm tháng

Nay về cư trú tại 11/8 Phan Thanh Giản, Sa Đéc

Nhận xét quá trình tại tù

(Được cho mười hai tháng tại địa phương)

Lưu tay ngón trở phạt, bị xử kỷ

Của DUONG VAN VINH

Danh đơn số 698

Lập tại Sa Đéc

buổi
buổi

Ngày tháng năm 1980

Phạm tội

Phạm

Đại úy: PHAN THANH LIÊM

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã Thị trấn Phước Long
Thị xã, Quận Phước Ninh
Tỉnh, phủ, Tỉnh Phước Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P.8

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 44
Quyển 32

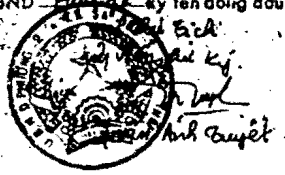
Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Xuân Mai</u>		Nam, nữ <u>Quả</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>Ngày hai mươi tháng Mười năm một ngàn chín trăm mười hai (22.10.1952)</u>		
Nơi sinh	<u>Xã Phước Long Sadec</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Nguyễn Kim Sơn</u>	<u>Bùi Thị Hai</u>	
Dân tộc Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp Nơi ĐKKK thường trú			
Họ tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người khai			

NHÂN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH Số 320 105

Đăng ký ngày 12 tháng 12 năm 1962
(Ký tên, đóng dấu gửi tự hành vụ)

Ngày 15 tháng 12 năm 1962
T.M.UBND Phước Long ký tên đóng dấu

HỘI VIÊN PÁI CHÍNH
(Đã ký)
Trần Xuân Sơn



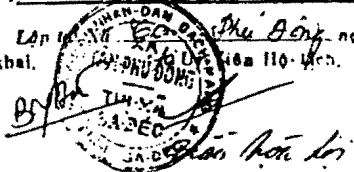
SỐ HIỆU 541

KHAI SANH



Tên họ ba mẹ	Dương Chiến - Trung
Phái	Nam
Sinh	Ngày 16 tháng 4 năm 1976
Ngày, tháng, năm	
Tuổi	Con Đều Đổng Linh Đổng Cháp
Cha	Dương Văn Vĩnh
Tên họ	
Tuổi	Ba mươi tuổi
Nghề	Học Bậc Đại Học Cao Học
Cư trú tại	11/8 Phan Thanh Giản
Mẹ	Bùi Ngọc Anh
Tên họ	
Tuổi	Hai mươi chín tuổi 29
Nghề	Buôn bán
Cư trú tại	11/8 Phan Thanh Giản
Vợ	Đoàn Văn Thù
Con	Bà Chánh
Ngày khai	Bùi Ngọc Anh
Tên họ	
Tuổi	Hai mươi chín tuổi 29
Nghề	Buôn bán
Cư trú tại	11/8 Phan Thanh Giản
Nơi khai	Bùi Ngọc Anh
Người chứng từ chết	Bác Sĩ Hải
Tên họ	
Tuổi	143/1 Dương Tiến Tuấn 8
Nghề	
Cư trú tại	
Sơ yếu chứng từ chết	
Tên họ	
Tuổi	
Nghề	
Cư trú tại	

Lập tại **PHÒNG DÂN** **PHU ĐỔNG** ngày 5 tháng 5 năm 1976
 Người khai: **Đoàn Văn Thù** **Đoàn Văn Thù** **Đoàn Văn Thù** **Đoàn Văn Thù** **Đoàn Văn Thù**
 Nhân Chứng: **Đoàn Văn Thù**



SỐ QUÂN 19

KHAI SANH



Tên họ đủ nhì :	ĐUỠN-VĨNH-ĐIÊN
Phái :	Nữ
Sinh :	Tháng giêng năm 1973
Ngày, tháng, năm	
Tại :	Đã sinh tại - ở nhà mẹ
Cha :	ĐUỠN-VĂN-VĨNH
Tên họ	
Tuổi :	27 tuổi
Nghề :	Quân nhân
Cư trú tại :	KHC. 302
Mẹ :	ĐUỠN-VĂN-VĨNH
Tên họ	
Tuổi :	27 tuổi
Nghề :	Nội trợ
Cư trú tại :	Tân-Vĩnh-Đà
Vợ	Vợ chồng
Chính hay thờ	
Người khai:	ĐUỠN-VĂN-VĨNH
Tên họ	
Tuổi :	27 tuổi
Nghề :	Quân nhân
Cư trú tại :	KHC. 302
Ngày khai:	15 tháng 01 năm 1973
Người chứng thứ nhất:	ĐUỠN-VĂN-VĨNH
Tên họ	
Tuổi :	40 tuổi
Nghề :	Quân nhân
Cư trú tại :	Tân-Vĩnh-Đà
Người chứng thứ hai:	TRẦN-VĂN-LAI
Tên họ	
Tuổi :	40 tuổi
Nghề :	Quân nhân
Cư trú tại :	Tân-Vĩnh-Đà

MIỄN THỰC

Trên biên V.L. số 4368/BN/VC/20
 của Bộ Nội Vụ ngày 3-8-1970

Lập tại xã Tân-Vĩnh-Đà ngày 1 tháng 01 1973

Người khai

XÃ TRƯỞNG

Nhân Chứng

Họ tên: Văn-Vĩnh-Tiệt

Họ tên: Nguyễn

Ký tên: Minh

Lưu

Trên biên V.L. số 4368/BN/VC/20
 của Bộ Nội Vụ ngày 3-8-1970



VIỆT - NAM
(BUD-VIET-NAM)

QUỐC - GIA VIỆT - NAM
ÉTAT - DU - VIỆT - NAM

Quận Độc-Động
(Délégation)
Tổng An-Trung
Custom
Làng Tân-Vĩnh-Hòa
Village

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT - NAM

(ÉTAT CIVIL VIETNAMIEN)

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH NĂM 1970
(Extrait du registre des acte de naissance de l'année)

LÀNG Tân-Vĩnh-Hòa TỈNH SaĐoc (NAM-VIỆT)
(Village) (Province) (Sud Việt-Nam)
NĂM 1970 SỐ HIỆU 612
(Année) (Acte N.)

Có mặt trong Bộ
Độc-Trách Hộ-Tịch

Uohau



TRÍ THỨC
Độc-Trách Hộ-Tịch
Ngày 10-10-1970

Tên họ đứa con nít Nom et prénoms de l'enfant	DƯƠNG-HỮU-TUNG
Nam hay Nữ Sex de l'enfant	Nam
Sinh ngày nào Date de naissance	Mười tám tháng mười năm 1970
Sinh tại chỗ nào Lieu de naissance	Tân-Vĩnh-Hòa ấp Phú-Lý
Tên họ cha Nom et prénoms du père	DƯƠNG-VĂN-VIHH
Cha làm nghề gì Sa profession	Quân-vũ
Nhà cửa ở đâu Son domicile	KBQ-449A
Tên họ mẹ Nom et prénoms de la mère	BUI-NGO-ANH
Mẹ làm nghề gì Sa profession	Hội-trí
Nhà cửa ở đâu Son domicile	Tân-Vĩnh-Hòa
Vợ chính hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chính

Chúng tôi
Nous

Quận-trưởng Quận
Délégué Administratif

Chúng cho hợp pháp chữ ký tên ngang đây của
Certifions l'authenticité des signatures opposés ci contre des

Ủy-Ban Hành-Chánh Xã
Conseillers communaux du village de

ngày tháng năm 197

Quận-Trưởng,
Délégué Administratif

TRÍCH Y BẢN CHÍNH

Tân-Vĩnh-Hòa ngày 20 tháng 10 năm 1970



Ủy-Viên Hộ-Tịch

THA BÌNH-QUYỀN

SỐ HIỆU 349

KHAI SANH

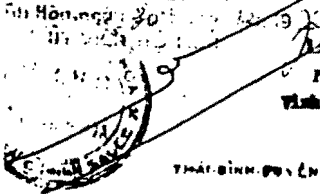
Đã kiểm dùng Bả dôi
Độc. Không Hết Lich



MIỄN THI THỰC
Số KI số 4355/UNV/HC/29
Hà Nội ngày 12-8-1960

Tên họ ấu nhi : NGUYỄN VĂN THỊNH
 Phái : Đàn
 Sinh : 01 tháng 03 tháng 11 năm 1944
 Ngày, tháng, năm
 Tại : Hà Nội - Phố Hàng Bài - Quận Hoàn Kiếm
 Cha : NGUYỄN VĂN THỊNH
 Tên họ
 Tuổi : 22 tuổi
 Nghề : Quản nhân
 Cư-trú tại : Phố Hàng Bài
 Mẹ : NGUYỄN VĂN THỊNH
 Tên họ
 Tuổi : 22 tuổi
 Nghề : Hàng bán
 Cư-trú tại : Phố Hàng Bài
 Vợ : Phụ thuộc
 Chính hay thờ
 Người khai : NGUYỄN VĂN THỊNH
 Tên họ
 Tuổi : 22 tuổi
 Nghề : Quản nhân
 Cư-trú tại : Phố Hàng Bài
 Ngày khai : 01 tháng 03 tháng 11 năm 1944
 Người chứng thứ nhất : NGUYỄN VĂN THỊNH
 Tên họ
 Tuổi : 21 tuổi
 Nghề : NGUYỄN VĂN THỊNH
 Cư-trú tại : Phố Hàng Bài
 Người chứng thứ nhì : NGUYỄN VĂN THỊNH
 Tên họ
 Tuổi : 27 tuổi
 Nghề : NGUYỄN VĂN THỊNH
 Cư-trú tại : Phố Hàng Bài

TRÍCH Y BỐ CHẾNH

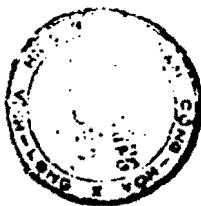


Đã khai tại xã PHỐ HÀNG BÀI ngày 01 tháng 03 năm 1960
 Người khai, Ủy viên Hội-Tịch Nhân Chứng
 Vĩnh (ký tên) Nguyễn Văn Thịnh Đào + Nguyễn Văn Thịnh

THÀNH BỈNH PHỤ LƯU

Số hiệu 226
(1)

NAISSANCE SANH



(1) Marge réservée pour la mention, en résumé, des jugements rectificatifs des actes de l'état civil.

(2) L'acte sera dûment enregistré au rôle des actes de l'état civil.

TRÍCH-Y BỘ CÔNG AN
in Việt Nam, ngày 5 tháng 11, 1964
Ủy Ban Hành-Chánh XE
CHỦ TỊCH KIỂM NHẬT

Nom et prénoms de l'enfant	Bùi - văn - Đức
Tên, họ của con út.	
Son sexe	nam
Nam, nữ	
Date de sa naissance	Le 24 November 1964
Sanh ngày nào	
Lieu de sa naissance	Hải Tân Ph. L. B.
Sanh tại chỗ nào	
Nom et prénoms de son père (pour les enfants nés hors mariage le nom de la mère devra seul être indiqué)	Nguyễn Văn Sơn
Tên, họ cha (con sinh không hợp thức thì họ mẹ mới ghi)	
Sa profession	Buôn bán
Cha làm nghề gì	
Son domicile	Hải Tân Ph. L. B.
Nhà cửa ở đâu	
Nom et prénoms de sa mère	Bùi Thị Hòa
Tên họ mẹ	
Sa profession	Buôn bán
Mẹ làm nghề gì	
Son domicile	Hải Tân Ph. L. B.
Nhà cửa ở đâu	
Son rang de femme mariée	
Vợ chính hay vợ thứ	
Nom et prénoms du déclarant	Nguyễn Văn Sơn
Tên họ người khai	
Son âge	28 ans
Mấy tuổi	
Sa profession	Buôn bán
Làm nghề gì	
Son domicile	Hải Tân Ph. L. B.
Nhà cửa ở đâu	
Nom et prénoms de son tuteur	Nguyễn Văn Sơn
Tên, họ người chứng thứ nhất	
Son âge	19 ans
Mấy tuổi	
Sa profession	Làm việc
Làm nghề gì	
Son domicile	Hải Tân Ph. L. B.
Nhà cửa ở đâu	
Nom et prénoms du 2 ^e témoin	Nguyễn Văn Sơn
Tên, họ người chứng thứ nhì	
Son âge	25 ans
Mấy tuổi	
Sa profession	Làm việc
Làm nghề gì	
Son domicile	Hải Tân Ph. L. B.
Nhà cửa ở đâu	

A. *Sau* le 24 novembre 1964
L'Officier de l'Etat Civil;
Người khai
Chức việc con họ Sơn
Lý Văn Sơn

19 11/64
Les témoins
Các người chứng
Lý Văn Sơn
Trần Văn Sơn

NOTA - Les blancs non utilisés devront être remplis par un trait
PHẢI NHỎ - Chỗ trắng không dùng tới thì kéo một nét.

VIỆT NAM CỘNG HÒA

TRÍCH-LỤC CHỨNG THU HÔN THƯ

VĨNH

QUẬN

XI

Số hiệu: III

Tên họ người chồng ĐUONG - VINH - VINH

Nghề nghiệp Quản lý

Sinh ngày 22 tháng 11 năm 1944

Tại Xã Phú Cường tỉnh Bình Dương

Cư sở tại Khu 14%

Tạm trú tại /

Tên họ cha chồng ĐUONG - VINH - KHA (sống)

Tên họ mẹ chồng LI - THI - HO (chết)

Tên họ người vợ NGUYEN - THI - ANH

Nghề nghiệp Đoàn - viên

Sinh ngày 27 tháng 11 năm 1947

Tại Xã Phú Cường tỉnh Bình Dương

Cư sở tại Ấp Phú Mỹ xã Phú Cường tỉnh Bình Dương

Tạm trú tại /

Tên họ cha vợ NGUYEN - THI - SON (sống)

Tên họ mẹ vợ NGUYEN - THI - HAI (sống)

Ngày cưới 22 tháng 01 năm 1967 Dương lịch

Vợ chồng có hay không lập hôn khế /

Ngày / tháng / năm /

Tại /

MIỄN THI THUỘC
Cục Cảnh sát Hồ Chí Minh
Số 2256/ĐV 10/29
Cục Cảnh sát Hồ Chí Minh
Số 2256/ĐV 10/29

Đã kiểm đúng Bộ đôi
Bộ Đoàn hộ tịch

TRÍCH Y BỐN CHÁNH

Tân Bình Hòa ngày 20 tháng 12 năm 1970
ỦY VIÊN HỒ TỊCH



Trưởng ban ĐUYEN

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ LỘ

BIÊN SỐ NH 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN

BẢNG KÝ NHẬN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số: 2689-3877/H

Họ và tên chủ hộ: Đài Ngọc Anh

Số nhà: 388 Ngõ (hẻm):

Đường phố: Đường 14 Quận CAND Quận 1

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh: Quận 1

Số 388, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Tỉnh, thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 11 tháng 9 năm 88

Trưởng công an Nguyễn Văn Hùng

(Chức vụ, họ tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Hùng

Số NH 3

Chuyển đến

Chuyển đến

Từ ngày tháng năm
Ký tên đóng dấu

Từ ngày tháng năm
Ký tên đóng dấu

Chuyển đến

Chuyển đến

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Nội dung

Nội dung

Ngày tháng năm
Trưởng công an

Ngày tháng năm
Trưởng công an

Nội dung

Nội dung

Ngày tháng năm
Trưởng công an

Ngày tháng năm
Trưởng công an

NIÊN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN Tên thường gọi	Ngày tháng năm sinh	Nam Nữ	Quan hệ với Chủ hộ	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Số CM hoặc C.C.C	Ngày, tháng năm đăng ký nhà khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Ký thu đồng cấp cơ quan này
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Bùi Ngọc Hết	1944	Nữ	Bà	Đã mất		19/8/87		
2	Đường Quang Bình	1968	Nam	Con	HS				
2	Đường Văn Hùng	1970	"	"	"				
4	Đường Văn Xuân	1973	"	"	"				
5	Đường Văn Xuân	1976	"	"	"				
6	Đường Văn Xuân	1976	Nam	Con	HS				

ĐÃ ĐĂNG KÝ

QUESTIONNAIRE FOR O.D.P. APPLICANTS

A. BASIC IDENTIFICATION DATA.

1. Name Đường-văn-Vĩnh sex Male
2. other name : Không
3. Date, place of birth : ngày 12. 11. 1946 Tại Thị trấn
4. Residence Address : Số 388 Tó 14, ấp Tân-Thuan, xã Tân
Nhuan-Đông, huyện Châu Thành, Thị xã Sàigòn, Đàng
5. Mailing address : Phạm-Tân-Khoa, số 141, đường Võ-văn-Tân
huyện 3 - TP. Hồ-chí-Minh
6. Current occupation : Làm ruộng

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME :

Name	Date of birth	place of birth	Sex	ITS	Relationship
1. Bui ngọc Anh	27. 11. 1947	Tân phú Đông SĐ	nữ		vợ
2. Đường-quang-Phúc	01. 3. 1968	Sàigòn	nam		con
3. Đường-huân-Hưng	18. 10. 1970	---	---		---
4. Đường-Tu-Nhân	10. 01. 1973	---	---		---
5. Đường-Thịnh-Trang	18. 04. 1976	---	---		---
6. Nguyễn Thị Xuân-Mai	20. 10. 1952	---	nữ		Em

C. RELATIVES OUTSIDE VN

1. closest relatives in the U.S.A.
 - a. Name Nguyễn-Thành-Tâm
 - b. Relation ship : Em vợ
 - c. Address : 3425 - NE 67th PORTLAND - OREGON 97213. U.S.A.
 - d. Date of relatives Arrival in USA : 1980
2. closest relatives in the other Foreign countries : NO

D. COMPLETE FAMILY LISTING (living - dead)

1. Father : Đường-văn-Kha' (dead)
2. Mother : Lê-thị-Mô' (dead)
3. Spouse : Bui-ngọc-Anh sinh ngày 27. 11. 1947 Sàigòn
hôm nay ở Số 388 Tó 14, ấp Tân Thuan, xã Tân-Nhuan-Đông, huyện
Châu Thành, thị xã Sàigòn - Đàng
4. Former spouse : Không
5. children.

1. Đường-quang-Phúc 01. 3. 1968 Sàigòn
2. Đường-huân-Hưng 18. 10. 1970 ---
3. Đường-Tu-Nhân 10. 01. 1973 ---

4. Dị hợy - Thim - Terry 18-H-1976 Sadié.
6. Siblings: Khơng

E. EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT OR OTHER US

ORGANIZATION of you or your spouse: Khơng

F. SERVICE WITH GVNOR RVNAF by you or your spouse

1. Name of person serving: Dị hợy - rừn - Vinh
2. Date: Form 1965 TO 30-H-1975
3. Last rank: Thiếu ný Serial number 66/101258
4. Tuổi - đơn 1, Trung đơn 31, Sĩ đơn 21 bộ binh
5. Name of Supervisor: Đổ - Ngoc - Nuôi, Nguyễn văn - Biết và Mạc văn Trữ
6. Reason of ^{leaving} separation: Đổ - Ngoc - Nuôi rất khắt khe
7. Name of American Advisor: Khơng nhớ
8. US Training courses in VN: Đủ theo học Trường Thiếu - Sinh - Quân
Từ năm 1958 đến 1965 Tại Trung Tâm
Theo học Khoa Sinh, y và Quân, Đổ tại
Trường Sinh ný tại Bộ - Tổng - Tham - Mưu
vào năm 1969 Thời gian ở đây học
Hết khóa 52 Văn Thám tại Trung Bút
Tổng - Quân Dục Mỹ.

G. TRAINING OUTSIDE VN of you or your spouse: NO

H. REEDUCATION of you or your spouse

1. Name of person in RE education:
Dị hợy - rừn - Vinh
2. Total time in the Reeducation: 5 năm 2 tháng 10 ngày
From 20-6-1975 To 30-8-1980.
3. Still in reeducation: NO

I. ANY ADDITIONAL REMARK NO

J. PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS
QUESTIONNAIRE

Signature

Vinh

DATE SAAEC signed 30-7-1985.

- 06 Khẩu Danh và ảnh
- 01 Lệnh Thù
- 01 Giấy ra tù

QUESTIONNAIRE FOR O.D.P. APPLICANTS

A. BASIC IDENTIFICATION DATA

1. Name Đông-vân-Vĩnh sex Male
2. Other name: Khổng
3. Date, place of birth: ngày 12-11-1946 Tại Thị trấn
4. Residence Address: Số 348 Tó 14, ấp Tân-Thuan, xã Tân
Nhuan-Đông, huyện Châu Thành, Thị xã Sàig Gòn
5. Mailing address: Phạm-Tân-Khoa, số 141, đường Võ-văn-Tân
huyện 3 - TP. Hồ-chí-Minh
6. Current occupation: Làm ruộng

B. RELATIVES TO ACCOMPANY RE:

Name	Date of birth	place of birth	Sex	US	Relationship
1. Bà mẹ <u>Anh</u>	27-11-1947	<u>Tân phú Hội 50</u>	<u>nữ</u>		<u>vợ</u>
2. <u>Đông-quang-Phúc</u>	01-3-1968	<u>Sàig Gòn</u>	<u>nam</u>		<u>con</u>
3. <u>Đông-huân-Hưng</u>	18-10-1970	<u>---</u>	<u>---</u>		<u>---</u>
4. <u>Đông-Tu-Nhân</u>	10-01-1973	<u>---</u>	<u>---</u>		<u>---</u>
5. <u>Đông-Thiên-Trang</u>	18-11-1976	<u>---</u>	<u>---</u>		<u>---</u>
6. <u>Nguyễn-thị-Xuân-Mai</u>	20-10-1952	<u>---</u>	<u>nữ</u>		<u>Em</u>

C. RELATIVES OUTSIDE VN

1. Closest relatives in the U.S.A.
 - a. Name Nguyễn-Thành-Tôn
 - b. Relationship: Em vợ
 - c. Address: 3425-NE 67th PORTLAND-OREGON 97213, U.S.A.
 - d. Date of relatives Arrival in USA: 1980
2. Closest relatives in the other Foreign countries: NO

D. COMPLETE FAMILY LISTING (living - dead)

1. Father: Đông-vân-Khoa (dead)
2. Mother: Lê-thị-Mơ (dead)
3. Spouse: Bà mẹ-Anh ngày 27-11-1947 Sàig Gòn
lúc này ở Số 348 Tó 14, ấp Tân Thuan, xã Tân-Nhuan-Đông, huyện
Châu Thành, thị xã Sàig Gòn - Phường
4. Former spouse: Khổng
5. children:
 1. Đông-quang-Phúc 01-3-1968 Sàig Gòn
 2. Đông-huân-Hưng 18-10-1970 ---
 3. Đông-Tu-Nhân 10-01-1973 ---

4. Dị hòng - Thỉnh - Trùng 18-4-1976 Sadee
6. Siblings: Không

E. EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT OR OTHER US

ORGANIZATION of you or your spouse: Không

F. SERVICE WITH GVAR RUNAF BY you or your spouse

1. Name of person serving: Dị hòng - Vĩnh - Vinh
2. Date: From 1965 TO 30-4-1975
3. Last rank: Thiếu úy Serial number 66/101258
4. Tuổi - đơn 1, Trùng đơn 31, Sĩ đơn 21 bộ binh
5. Name of Supervisor: Đỗ - Ngọc - Nhân, Nguyễn Văn - Biệt và Mạnh và Trùng
6. Reason of ^{leaving} separation: Đột biến rất khó khăn
7. Name of American Advisor: Không nhớ
8. US Training Courses in VN: Đute theo học Trường Thiếu Sinh Quân Từ năm 1958 đến 1965 Tại Trung Tâm Theo học Khoa Sinh học Quân Đội Tại Trường Sinh học tại Bộ Tổng Tham Mưu vào năm 1969 Thời gian ở đây học Học Khoa 52 Văn Thám Tại Trường Biệt Động Quân Dục Mỹ.

G. TRAINING OUTSIDE VN OF you or your spouse: NO

H. REEDUCATION of you or your spouse

1. Name of person in RE education: Dị hòng - Vĩnh - Vinh
2. Total Time in the Reeducation: 5 năm 2 tháng 10 ngày From 20-6-1975 To 30-8-1980
3. Still in reeducation: NO

I. ANY ADDITIONAL REMARK NO

J. PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS

QUESTIONNAIRE

Signature

DATE SAAEC signed 30-7-1985.

Vinh

- 06 Khẩu danh và ảnh
- 01 Lệnh Thù
- 01 Giấy ra tù

QUESTIONNAIRE FOR O.D.P. APPLICANTS

A. BASIC IDENTIFICATION DATA

1. Name Đông-vân - Vĩnh sex Male
2. Other name: Khổng
3. Date, place of birth: ngày 12-11-1946 Tại Thị trấn
4. Residence Address: Số 388 Tổ 14, ấp Tân-Thuan, xã Tân
Nhuan-Đông, huyện Châu Thành, Thị xã Sàigòn, Đàng
5. Mailing address: Phạm-Tân-Khoa, Số 141, đường Võ-văn-Tân
Huyện 3 - TP. Hồ-chí-Minh
6. Current occupation: Làm ruộng

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME:

Name	Date of birth	place of birth	Sex	Age	Relationship
1. Bà <u>Nguyễn Anh</u>	27-11-1947	<u>Tân phú Hội SĐ</u>	<u>nữ</u>		<u>vợ</u>
2. <u>Đông-giang-Phúc</u>	01-3-1968	<u>Sàigòn</u>	<u>nam</u>		<u>con</u>
3. <u>Đông-huê-Huân</u>	18-10-1970	<u>"</u>	<u>"</u>		<u>"</u>
4. <u>Đông-Tú-Nhân</u>	10-01-1973	<u>"</u>	<u>"</u>		<u>"</u>
5. <u>Đông-Thần-Trang</u>	18-04-1976	<u>"</u>	<u>"</u>		<u>"</u>
6. <u>Nguyễn Thị Xuân-Mai</u>	20-10-1952	<u>"</u>	<u>nữ</u>		<u>Em</u>

C. RELATIVES OUTSIDE VN

1. closest relatives in the U.S.A.

- a. Name Nguyễn-Thành-Tâm
- b. Relationship: Em vợ
- c. Address: "
- d. Date of relatives arrival in USA: 1980

2. closest relatives in the other foreign countries: NO

D. COMPLETE FAMILY LISTING (living - dead)

1. Father: Đông-rân-Kha' (dead)
2. Mother: Lê-Thị-Mô (dead)
3. Spouse: Bà-Nguyễn-Anh sinh ngày 27-11-1947 Sàigòn
hiện nay ở Số 388 Tổ 14, ấp Tân Thuan, xã Tân-Nhuan-Đông, huyện
Châu Thành, thị xã Sàigòn - Đàng
4. Former spouse: Khổng
5. children.
 1. Đông-giang-Phúc 01-3-1968 Sàigòn
 2. Đông-huê-Huân 18-10-1970 "
 3. Đông-Tú-Nhân 10-01-1973 "

4. Đang-Thăm-Thăm 18-H-1976 Sade.
6. Siblings: Không

E. EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT OR OTHER US

ORGANIZATION of you or your spouse: Không

F. SERVICE WITH GIOR RUNAF by you or your spouse

1. Name of person serving: Đang-vân-Vinh
2. Date: Form 1965 TO 30-H-1975
3. Last rank: Thiếu úy Serial number 66/101258
4. Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 31, Sư đoàn 21 bộ binh
5. Name of Supervisor: Đỗ-Ngọc-Nuôi, Nguyễn-vân-Biệt và Mạnh-vân-Tiến
6. Reason of ^{leaving} ~~operation~~: Đời sống rất khó khăn
7. Name of American Advisor: Không nhớ
8. US Training courses in VN: Được theo học Trường Thiếu-Sinh-Quân
Từ năm 1958 đến 1965 tại Ung Tân.
Theo học Khoa Sinh, yd Quân, Đại Tá
Tướng Sinh ngũ tại Bộ-Tổng-Tham-Mu
vào năm 1969 thời gian ở đây học
Học Khoa 5- Văn Thám tại Trường Biệt
Động-Quân Dục Mỹ.

G. TRAINING OUTSIDE VN of you or your spouse: NO

H. REEDUCATION of you or your spouse

1. Name of person in RE education:
Đang-vân-Vinh
2. Total Time in the Reeducation: 5 năm 2 tháng 10 ngày
From 20-6-1975 To 30-8-1980.
3. Still in reeducation: no

I. ANY ADDITIONAL REMARK NO.

J. PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS

QUESTIONNAIRE

Signature

DATE Sade ngày 30-7-1985.

Vinh

- 06 thư danh và ảnh
- 01 lời thú
- 01 giấy ra tù

LƯU HỌ TÊN
SỐ QUÂN
SỐ QUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001
QLTĐ tại đơn
thời điểm
số 2555 ngày
21/11/1972



GIẤY KINH LẠI

QUYẾT ĐỊNH SỐ 906-BQ/TT ngày 3 tháng 6 năm 1961 của Bộ
Nội vụ:
Thị trấn an ninh, quyết định số 118 ngày 25 tháng 08
năm 1980 của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy này cho ông, chị có tên sau đây:

Họ, tên thật: DƯƠNG VĂN VINH

Họ, tên thường gọi: _____

Họ, tên bí danh: _____

Sinh ngày _____ tháng _____ năm 1946

Nơi sinh: Thị trấn

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt: _____

Tên: Thị trấn Đông, Châu Thành Đông, Đông

Còn tới Thị trấn, Tên binh nguy

Đã bắt ngày 20-6-1975 tại phạt

Theo quyết định, án số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thêm _____ năm

Đã được giảm án _____ lần, cộng thêm _____ tháng

Nay về cư trú tại 11/8 Phan thanh Giản, Ba đèo

Nhận xét quá trình cải tạo:

(Quản chế mười hai tháng tại địa phương)

Lưu tay ngôn trợ pháp Đang ký
Của DƯƠNG VĂN VINH
Đanh bản số 698
Lập tại Ba đèo
Ngày 8 tháng 8 năm 1980
P. Giám đốc

Đang
Đang

Đang

Đại uý: PHAN THANH LIÊM

LƯU HOI VU
TINH HIEN
C: 700 VCHT

CONG HOA XA HOI CHU NGHIA VIET NAM
Doc Lap - Tu do - Hạnh phúc.

Mẫu số 001
QLTĐ tại đơn
thứ 01
số 2555 ngày
21/11/1973



GIẤY RA THẢI

QUỐC LƯƠNG THỨ SỐ 966-BCH/TT ngày 3 tháng 6 năm 1961 của Bộ
Nội Vụ:
Thi hành an toàn, quyết định của số 118 ngày 25 tháng 08
năm 1980 của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy thả cho ông, chị có tên sau đây:

Họ, tên thật: DUONG VAN VINH

Họ, tên thường gọi:

Họ, tên bí danh:

Sinh ngày tháng năm 1946

Nơi sinh: Thừa Thiên

Nơi đang ký nhận thưu thưởng/tra trước khi bị bắt:

Tập Thuận Đông - Châu Thành Đồng Nai - Đồng Tháp

Con tối thiểu: uỷ Tàn binh nguy

Bị bắt ngày 20-6-1975 tại địa phương

Theo quyết định, án số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần song thân năm

Đã được giảm án lần, song thân tháng

Nay về cư trú tại 11/8 Phan thanh Giản, Sa đóc

Nhận xét quá trình tái tạo,

(Quản chế mười hai tháng tại địa phương)

Lưu tay ngôn trở phải họ tên chủ ký

Của DUONG VAN VINH

Danh sách số 698
Lập tại Sa đóc

Ngày tháng năm 1980

Đặng Văn Vinh

Phan Thanh Liêm

Đại uỷ: PHAN THANH LIEM

LƯU HỌ VŨ
TÊN HIỆP
C: 700 VCHT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Mẫu số 001
QLTĐ tại đơn
thời điểm
số 2505 ngày
21/11/1972



GIẤY RA TÀI

Nội vụ: Theo Quyết định số 906-BCT/TT ngày 3 tháng 6 năm 1964 của Bộ
Thủ tướng Chính phủ, quyết định của số 118 ngày 25 tháng 08 năm 1980 của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy này cho ông, chị có tên sau đây:

Họ, tên thật: DƯƠNG VĂN VINH

Họ, tên thường gọi:

Họ, tên bí danh:

Sinh ngày tháng năm 1946

Nơi sinh: Thị trấn Thiệp

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt:

Tân Thuận Đông, Châu Thành Đông, Hải Phòng

Cán tội: Thiếu y tá binh nguy

Bi bắt ngày 20-6-1975 tại địa phương

Theo quyết định, án số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần công nhân năm

Đã được giảm án lần, công nhân tháng

Nay về cư trú tại 11/8 Phan thanh Giản, Sa đóc

Nhận xét quá trình cải tạo:

(Quản chế mười hai tháng tại địa phương)

Lần tay ngôn trở phải họ tên chủ ký

Của DƯƠNG VĂN VINH

Danh bên số 698

Lập tại Sa đóc

Ngày tháng năm 1980

Phó Giám đốc

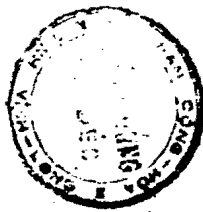
Đang Văn Vinh

Phạm Thanh Liêm

Đại uý: PHAN THANH LIÊM

Số hiệu 226
(1)

NAISSANCE SANH



Nom et prénoms de l'enfant Tên, họ đứa con nit.	Bùi - sign - Oak
Son sexe Nam, nữ.	nam
Date de sa naissance Sanh ngày nào.	14 Décembre 1944
Lieu de sa naissance Sanh tại chỗ nào	Hải Triều Khu Bờ
Nom et prénoms de son père (pour les enfants nés hors mariage le nom de la mère devra seul être indiqué) Tên, họ cha (con sinh không phép cưới tên họ mẹ mà thôi).	Nguyễn Văn Sơn
Sa profession Cha làm nghề gì	Buôn bán
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Hải Triều Khu Bờ
Nom et prénoms de sa mère Tên họ mẹ	Bùi Thị Hoa
Sa profession Mẹ làm nghề gì	Buôn bán
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Hải Triều Khu Bờ
Son rang de femme mariée Vợ chính hay vợ thứ	
Nom et prénoms du déclarant Tên họ người khai	Nguyễn Văn Sơn
Son âge Mấy tuổi.	35 ans
Sa profession Làm nghề gì	Buôn bán
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Hải Triều Khu Bờ
Nom et prénoms du 1er témoin Tên, họ người chứng thứ nhất	Nguyễn Văn Sơn
Son âge Mấy tuổi.	35 ans
Sa profession Làm nghề gì	Buôn bán
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Hải Triều Khu Bờ
Nom et prénoms du 2e témoin Tên, họ người chứng thứ nhì	Nguyễn Văn Sơn
Son âge Mấy tuổi.	35 ans
Sa profession Làm nghề gì	Buôn bán
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Hải Triều Khu Bờ

(1) Marge réservée pour la mention, en résumé, des jugements rectificatifs des actes de l'état civil.

(2) L'acte sera dûment enregistré au rôle des actes de l'état civil.

TRICH-Y 30 CHU
in Việt Nam, ngày 1 tháng 12 năm 1944
Ủy-Ban Hành-Chánh NS
CHỦ-TỊCH KIỂM HỌ TỊCH

A. Leclerc, le 14 Décembre 1944
Tai Hải Triều Khu Bờ, ngày 14/12/44
La Déclarant L'Officier de l'Etat Civil; Les témoins
Người khai Chức việc coi bộ đời Các người chứng
Signé: Sơn Signé: Hải Signé: Sơn, Trưng

NOTA - Les blancs non utilisés devront être remplis par un trait
PHẢI NHỚ - Chỗ trắng không dùng tới thì kéo một nét.

VIỆT NAM CỘNG HÒA

VĨNH DUONG

QUẬN PHU - THUAN

XÃ PHU - THUAN

Số hiệu: III

TRÍCH - LỤC CHỨNG THƯ HÔN THỰ

Tên họ người chồng DUONG - VINH - VINH

Nghề nghiệp làm thợ

Sinh ngày 12 tháng 11 năm 1946

Tại Xã Phú Thuận tỉnh Bình Thuận

Cư sở tại KHC 44%

Tạm trú tại /

Tên họ cha chồng DUONG - VINH - KHA (sống)

Tên họ mẹ chồng LE - THI - HO (sống)

Tên họ người vợ HUI - N - OOC - ANH

Nghề nghiệp làm thợ

Sinh ngày 27 tháng 11 năm 1967

Tại Xã Vinh Hoa 3920

Cư sở tại Ấp Phú Mỹ Xã Vinh Hoa 3920

Tạm trú tại /

Tên họ cha vợ NGUYEN - VINH - SON (sống)

Tên họ mẹ vợ HUI - THI - KAI (sống)

Ngày cưới 04 tháng 01 năm 1967 Dương lịch

Vợ chồng có hay không lập hôn khê /

Ngày / tháng / năm /

Tại /

MIỄN THU THU
Số 4233/1970
Cấp Ủy Vụ ngày 15-2-1970

TRÍCH Y BỐN CHÁNH

Đã kiểm đúng Bộ đôi
Ủy Ban chấp hành

ngày 10 tháng 12 năm 1970
Xã Vinh Hoa Ủy viên Hộ tịch



Trưởng ban Hộ tịch

VIỆT NAM CỘNG HÒA

VĨNH

QUAN

X I

Số hiệu:

III

TRÍCH-LỤC CHỨNG THƯ HÔN THỰ

Tên họ người chồng: DUONG - VAN - VINH

Nghề nghiệp: làm thuê

Sinh ngày 12 tháng 11 năm 1946

Tại Xã Phú Thới, tỉnh Bình Định

Cư sở tại KHC 14%

Tạm trú tại /

Tên họ cha chồng: DUONG - VAN - RHA (sống)

Tên họ mẹ chồng: LI - THI - HO (chết)

Tên họ người vợ: LI - THI - HO

Nghề nghiệp: làm thuê

Sinh ngày 27 tháng 11 năm 1947

Tại Xã Phú Thới, tỉnh Bình Định

Cư sở tại Ấp Phú Thới, xã Phú Thới, tỉnh Bình Định

Tạm trú tại /

Tên họ cha vợ: LI - THI - HO (sống)

Tên họ mẹ vợ: LI - THI - HO (sống)

Ngày cưới: Đã đăng ký năm 1967 Dương lịch

Vợ chồng có hay không lập hôn khế /

Ngày / tháng / năm /

Tại /

MIỄN THU THUẾ
Căn cứ V.L. số 428/BV ngày 15-8-1970
Cục Công Hộ và Hộ tịch

Đã kiểm tra Bộ đời
Độc trách lập lịch

TRÍCH Y BỐN CHÁNH

Tên họ người trích: LI - THI - HO ngày 12 tháng 11 năm 1970



Trích lục

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã Phú Lương
Thị trấn Phú Lương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Tự Do - Tự Do - Hạnh Phúc

Mô hình HT3/P2

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 44
Chức vụ

Họ và tên	Nguyễn Thị Xuân Mai	
Ngày sinh tháng năm	Ngày hai mươi tháng Mười năm một nghìn chín trăm hai mươi hai (20.10.1952)	
Nơi sinh	Xã Phú Lương, Sadéc	
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng năm sinh	Nguyễn Kim Sơn	Bùi Thị Hải
Dân tộc Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nhà nghề nghiệp Số ĐKKK lương trả		
Họ tên, số ĐKKK chương trình xã hội công minh hoặc CNCC của người khai		



NGƯỜI THỰC SẠO Y BAN CHÍNH SỐ 320/53

Đã ký ngày 22 tháng 12 năm 1962
(Vị trí, chức vụ, họ tên)

Ngày 15 tháng 4 năm 1982

THỦ BƯỞI - Ủy ban nhân dân xã Phú Lương



HỒI VIÊN TÀI CHÁNH

(Đã ký)
Bùi Thị Hải

SỐ HIỆU 243

KHAI SANH

Đường Quang Phái

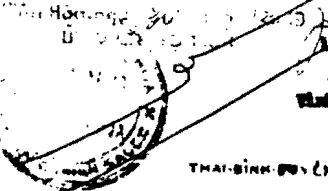
Đã kiểm định và đối
bộ trước hợp lệ



MIỄN THI THỰC
Số 4366/UNV/HQ/29
Hà Nội, ngày 22-10-1962

Tên họ ảu nhi :	NGUYỄN - VĂN - HỒNG
Phái :	NỮ
Sinh :	01 tháng 03 tháng 1962
Ngày, tháng, năm	
Tại :	Thị trấn - xã - huyện - tỉnh
Cha :	NGUYỄN - VĂN - HỒNG
Tên họ	
Tuổi :	22 tuổi
Nghề :	NGƯỜI NHÀ
Cư trú tại :	THị trấn
Mẹ :	NGUYỄN - VĂN - HỒNG
Tên họ	
Tuổi :	22 tuổi
Nghề :	NGƯỜI NHÀ
Cư trú tại :	THị trấn - xã - huyện - tỉnh
Vợ :	NGƯỜI NHÀ
Chức hay tên	
Người khai :	NGUYỄN - VĂN - HỒNG
Tên họ	
Tuổi :	22 tuổi
Nghề :	NGƯỜI NHÀ
Cư trú tại :	THị trấn
Ngày khai :	01 tháng 03 tháng 1962
Người chứng thứ nhất :	NGUYỄN - VĂN - HỒNG
Tên họ	
Tuổi :	23 tuổi
Nghề :	NGƯỜI NHÀ
Cư trú tại :	THị trấn - xã - huyện - tỉnh
Người chứng thứ nhì :	NGUYỄN - VĂN - HỒNG
Tên họ	
Tuổi :	27 tuổi
Nghề :	NGƯỜI NHÀ
Cư trú tại :	THị trấn - xã - huyện - tỉnh

TRÍCH YẾU CHỨNG



Khai tại xã : THỊ TRẤN - xã - huyện - tỉnh ngày 01 tháng 03 1962
 Người khai : Ủy viên Ủy ban Hộ tịch Nhân Chứng : Ban + Truyền (kỳ họp)
 (kỳ họp)

THAI BÌNH - QUÝ C

SỐ HIỆU_____

KHAI SANH

Đã kiểm định và dài
Độ trước không



TRICH Y BÔ CHIAU

سید محمد علی

U. S. S. R.

Lập tại xã PHU HUNG HOA ngày 02 tháng 02 năm 19 90

Ngurbi khat,
sh (ky 2000)

Újviden 7 Hő-Tűz

NAME Chitra

Don + Truman (1st 2nd)

bits : ray-ten

THAI-BINH-POY EN

SỐ HIỆU 343

KHAI SANH

Đã kiểm định và đối
Độc trước hồ sơ



MIỄN THỊ THỰC
Số 156/2008/ĐV/HĐ/29
Độc lập, tự do, hòa bình

Tên họ đủ nhĩ :	NGUYỄN - VĂN - PHU
Phái :	Đ
Sinh :	01 tháng 03 Dương lịch 1942
Tại :	Thị trấn - xã - huyện - tỉnh
Chưa :	NGUYỄN - VĂN - PHU
Tuổi :	22 tuổi
Nghề :	NGHỀ
Cư trú tại :	PHU - LAM
Mẹ :	NGUYỄN - VĂN - ANH
Tuổi :	22 tuổi
Nghề :	NGHỀ
Cư trú tại :	PHU - LAM
Vợ :	NGUYỄN - VĂN - ANH
Người khai :	NGUYỄN - VĂN - ANH
Tuổi :	22 tuổi
Nghề :	NGHỀ
Cư trú tại :	PHU - LAM
Ngày khai :	01 tháng 03 Dương lịch 1942
Người chứng thực nhĩ :	NGUYỄN - VĂN - ANH
Tuổi :	22 tuổi
Nghề :	NGHỀ
Cư trú tại :	PHU - LAM
Người chứng thực nhĩ :	NGUYỄN - VĂN - ANH
Tuổi :	22 tuổi
Nghề :	NGHỀ
Cư trú tại :	PHU - LAM

TRICH Y BỐ CHỨNG
Thị trấn - xã - huyện - tỉnh
Thị trấn - xã - huyện - tỉnh
Thị trấn - xã - huyện - tỉnh

Kho tại xã PHU - LAM ngày 01 tháng 03 19 04
Người khai, Ủy viên Hộ tịch Nhân Chứng
Vinh (ký tên) Bình : My - Tin Ban + Trưởng (ký tên)

THAI BINH ĐUY CH

SỐ HIỆU 541

KHAI SANH



Tên họ và đệm	Dương Chiến Cường
Phái	Nam
Sinh ngày, tháng, năm	Ngày 15 tháng 4 năm 1976
Tên	Bản Đỉnh Đông Linh Đông Tháp
Cha tên họ	Dương Văn Bình
Tuổi	Ba mươi tuổi
Nghề	Học Bậc Đại Học Cao Học
Cư trú tại	11/8 Phan Thanh Giản
Mẹ tên họ	Bùi Ngọc Ánh
Tuổi	Hai mươi chín tuổi 29
Nghề	Buôn bán
Cư trú tại	11/8 Phan Thanh Giản
Vợ	Chưa có
Con đẻ	0
Người khai	Bùi Ngọc Bình
Tuổi	Hai mươi chín tuổi 29
Nghề	Buôn bán
Cư trú tại	11/8 Phan Thanh Giản
Nhà ở	Bùi Ngọc Bình
Người chứng thư chỉ	Bác Sĩ Hải
Tên họ	
Tuổi	
Nghề	
Cư trú tại	
Người chứng thư chỉ	
Tên họ	
Tuổi	
Nghề	
Cư trú tại	

Lập tại: Phu Đông ngày 3 tháng 5 năm 1976
 Người khai: Phu Đông Đông Linh Đông Tháp Nhà Cường



QUỐC - GIA VIỆT - NAM
ÉTAT DU VIỆT - NAM

Làng ~~Tân-Vĩnh-Hòa~~
Villages

(ÉTAT CIVIL VIETNAMIEN)

(Extrait du registre des actes de naissance de l'année)

TINH (Province) SsDeo

NAM
(Sud Viet-Nam)

Độc-Địch Hợp-Địch

NĂM 1970
(Année)

SỐ HIỆU 612
(Acte N.)

Tên họ đũa con nit
Nom et prénoms de l'enfant.

~~DICTIONARY~~

Nam hay Nür
Sex de Menfant

Index

Sanh ngày nào
-Date de naissance

Mười tám tháng mười năm 1970

Sinh tại chỗ nào
-Lieu de naissance-

~~Tân-Vĩnh-Hòa cấp Phụ-thị~~

Tên họ cha
«Nom et prenom du père»

~~BUCKINGHAM PALACE~~

Chà làm nghề gì
Sa profession

ရွှေစင်-လှိုင်

Nhà cửa ở đâu
(Son domicile)

~~1480~~ 4494

Tên họ mẹ
«Nom et prénom de la mère»

~~BOI-113-03-1111~~

Me làm nghề gì
«Sa profession»

संक्षेप-संग्रह

Nhà cửa ở đâu
«Son domicile»

~~CONFIDENTIAL~~

Vợ chánh hay thứ
(Son rang de femme mariée)

Veronica

Chúng tôi
Nous

TRÍCH Y BỒN CHÁNH

Quản-trưởng Quận
Département Administratif

~~Tôn Vĩnh Hòa~~, ngày ~~26~~ tháng ~~10~~ năm 197

Chứng cho hợp pháp chữ ký tên ngang đây của
Certifions l'authenticité des signatures opposés ci contre des

Ủy-Viên Hộ-Tịch

Ủy Ban Hành-Chánh XI

Conseillers communaux du village de

ngày tháng năm 197

Quận-Trưởng,
Délegué Administratif



16 HƯỚNG 39

KHAI SANH



Tên họ du nhĩ :	ĐÀM-VĂN-VĨNH
Phái :	Nam
Sinh :	15 tháng 01 năm 1973
Nghị, thống, năm	
Tên họ :	ĐÀM-VĂN-VĨNH
Ch a :	ĐÀM-VĂN-VĨNH
Tên họ :	
Tuổi :	27 tuổi
Nghề :	Quân nhân
Cư trú tại :	Khu. 102
M c :	Đà-Ng-Quang
Tên họ :	
Tuổi :	27 tuổi
Nghề :	Ngũ-lực
Cư trú tại :	Tân-Vĩnh-Hòa
Vợ :	Vợ chính
Chính hay thờ	
Người khai :	ĐÀM-VĂN-VĨNH
Tên họ :	
Tuổi :	27 tuổi
Nghề :	Quân nhân
Cư trú tại :	Khu. 102
Ngày khai :	15 tháng 01 năm 1973
Người chứng thứ nhất :	ĐÀM-VĂN-VĨNH
Tên họ :	
Tuổi :	27 tuổi
Nghề :	Quân nhân
Cư trú tại :	Tân-Vĩnh-Hòa
Người chứng thứ hai :	Trương-Bà-Lai
Tên họ :	
Tuổi :	27 tuổi
Nghề :	Quân nhân
Cư trú tại :	Tân-Vĩnh-Hòa

MIỄN THỊ-THỰC
 Đơn số: VI. 57. 4355/BNV/H/29
 tại Bộ Nội-Vụ ngày 3-8-1970

Lập tại X: Tân-Vĩnh-Hòa ngày 1 tháng 01 19 73

Người khai

XÃ TRƯỞNG

Nhân Chứng

Họ-Tên: Văn-Hiệp-Tịch

Họ-Tên: Trương

Ký tên: Vĩnh

Lưu

Đã khai: Văn-Hiệp-Tịch
 Ngày: 15 tháng 01 1973
 X: PHUỐC HÒA



PHIEU KIEM SOAT

- Họ và tên: **DƯƠNG** **NAN**
VINH

- ☒ Card
- ☐ Thở, bỏ túi, cảm ơn
- ☒ Giấy ra trại
- ☐ Cấp bằng, huy chương
- ☐ Hồ sơ đầy đủ (Thở đủ hồ sơ)
- ☒ Computer

- Các thủ khác :

- ☐ Mẫu D
- ☐ ODP list
- ☐ Labels
- ☐ Folder
- ☐ Hồ sơ cần xerox
- ☐ Hồ sơ đã chuyển ODP
ngày _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~34.0594879~~

Họ tên **DƯƠNG-VĂN-VĨNH.**

Sinh ngày **1946**

Nguyên quán **Thủy-Phương,
Hương-Thủy, Bình-Trị-Thôn**

Nơi thường trú **Tân-Phước, Tân-
Nhượng-Đông, Châu-Phước, Đ-Tháp**



Dân tộc:

Kinh Tông giáo:

Không



NGƯỜI TRỐ THAI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi 0,2cm trên
sau cánh mũi phải.



NGƯỜI TẠO PHẢI

ĐP Nam 11 tháng 01 năm 1985

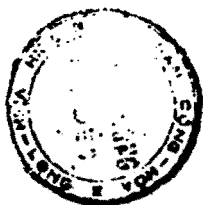


THỦ LƯU IV CÔNG AN

[Handwritten signature]
[Handwritten text]

Số hiệu 226
(1)

NAISSANCE SANE



(1) Marge réservée pour la mention, en résumé, des jugements rectificatifs des actes de l'état civil.
(2) Lề chứa ở lược biên án tòa cải giấy khai sanh lại.

TRÍCH-Y SỔ CHỮM
Hàng Hào, ngày 5 tháng 11-36
ỦY-BAN HÀNH-CHÍNH XÃ
CHỦ-TỊCH KIỂM-MÔ-TỊCH

[Handwritten signature]

Nom et prénoms de l'enfant Tên, họ của con út.	Bùi - ngan - Đức
Son sexe Nam, nữ.	nam
Date de sa naissance Sanh ngày nào.	Đ 24 November 1944
Lieu de sa naissance Sanh tại chỗ nào.	Hải Triều Phố Đông
Nom et prénoms de son père (pour les enfants nés hors mariage le nom de la mère devra seul être indiqué) Tên, họ cha (con sinh không phép cưới thì họ mẹ mới ghi).	Nguyễn Văn Sơn
Sa profession Cha làm nghề gì.	Buôn bán.
Son domicile Nhà cửa ở đâu.	Hải Triều Phố Đông
Nom et prénoms de sa mère Tên họ mẹ.	Bùi Thị Hòa
Sa profession Mẹ làm nghề gì.	Buôn bán.
Son domicile Nhà cửa ở đâu.	Hải Triều Phố Đông
Son rang de femme mariée Vợ chính hay vợ thứ.	—
Nom et prénoms du déclarant Tên họ người khai báo.	Nguyễn Văn Sơn
Son âge Mấy tuổi.	28 tuổi
Sa profession Làm nghề gì.	Buôn bán.
Son domicile Nhà cửa ở đâu.	Hải Triều Phố Đông
Nom et prénoms du ser. témoin Tên, họ người chứng thứ nhất.	Nguyễn Văn Sơn
Son âge Mấy tuổi.	19 tuổi
Sa profession Làm nghề gì.	Làm ruộng.
Son domicile Nhà cửa ở đâu.	Hải Triều Phố Đông
Nom et prénoms du 2 ^e témoin Tên, họ người chứng thứ nhì.	Nguyễn Văn Sơn
Son âge Mấy tuổi.	25 tuổi
Sa profession Làm nghề gì.	Làm ruộng.
Son domicile Nhà cửa ở đâu.	Hải Triều Phố Đông

A. *[Signature]* ngày 19/11/44
Le Déclarant
Người khai
Signé: Sơn

B. *[Signature]* ngày 19/11/44
L'Officier de l'état Civil;
Chức việc coi hộ dân
Signé: Hải

19/11/44
19/11/44
Les témoins
Các người chứng
Signés: Sơn
Hải

NOTA — Les blancs non utilisés devront être remplis par un trait
PHẢI NHỚ — Chỗ trắng không dùng tới thì kéo một nét.

VIỆT NAM CỘNG HÒA

VĨNH

QUẬN

XÃ

Số hiệu:

111

TRÍCH-LỤC CHỨNG THƯ HÔN THỰ

Tên họ người chồng ĐUONG - VINH - HOA /

Nghề nghiệp quan chức

Sanh ngày 22 tháng 11 năm 1946 /

Tại thị trấn Phong tỉnh Thanh-phước

Cư sở tại Khu 44%

Tạm trú tại /

Tên họ cha chồng ĐUONG - VINH - HUA (song)
Sống chết phải nói

Tên họ mẹ chồng LE - THI - HO (chết)
Sống chết phải nói

Tên họ người vợ HUI - H - OCH - ANH

Nghề nghiệp học sinh

Sanh ngày 27 tháng 11 năm 1947

Tại thị trấn Thanh tỉnh Thanh-phước

Cư sở tại ấp Tân-phước xã Tân-phước huyện Thanh-phước

Tạm trú tại /

Tên họ cha vợ ĐUONG - VINH - HOA (song)
Sống chết phải nói

Tên họ mẹ vợ HUI - THI - HAI (song)
Sống chết phải nói

Ngày cưới 12 tháng 01 năm 1948 Dương lịch

Vợ chồng có hay không lập hôn khế /

Ngày / tháng / năm /

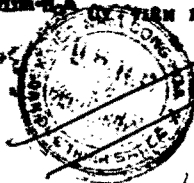
Tại /

MIỄN THI-THỰC
theo Điều 1, số 4359/ĐVY-V/29
của Bộ Nội-Vu ngày 15-8-1970

Đã kiểm đúng Bộ đời
Bộ-trạch Hộ tịch

TRÍCH Y BỐN CHÁNH

thị trấn Thanh ngày 12 tháng 11 năm 1970
QUẬN THANH PHƯỚC



Trưởng ban HỘ TỊCH

SỐ HIỆU 343

KHAI SANH

Đã kiểm đúng Rô dãi
Đã in dấu kết hợp



MIỄN THI THỰC
Số 4366/UV/HCT/29
Hà Nội ngày 13-8-1970

Tên họ ấu nhi : NGUYỄN - VĂN - VINH

Phái : Đực

Sinh : 01 tháng 03 tháng 1966
Ngày, tháng, năm

Tại : Thị trấn - xã - huyện - tỉnh

Cha : NGUYỄN - VĂN - VINH
Tên họ

Tuổi : 22 tuổi

Nghề : Quân nhân

Cư-trú tại : Phố 44/4

Mẹ : NGUYỄN - VĂN - VINH
Tên họ

Tuổi : 22 tuổi

Nghề : Quân nhân

Cư-trú tại : Phố 44/4

Vợ : Quân nhân
Chức hay nghề

Người khai : NGUYỄN - VĂN - VINH
Tên họ

Tuổi : 22 tuổi

Nghề : Quân nhân

Cư-trú tại : Phố 44/4

Ngày khai : 01 tháng 03 tháng 1966

Người chứng thứ nhất : 010 - NGUYỄN - VĂN
Tên họ

Tuổi : 21 tuổi

Nghề : NGUYỄN - VĂN

Cư-trú tại : Phố 44/4

Người chứng thứ nhì : NGUYỄN - VĂN - VINH
Tên họ

Tuổi : 27 tuổi

Nghề : NGUYỄN - VĂN - VINH

Cư-trú tại : Phố 44/4

TRÍCH Y BỐ CHANH

Trên Hôn nhân 30/1/1970



Khai tại xã PHỐ 44/4 ngày 01 tháng 03 năm 1966
Người khai, Ủy viên Hộ tịch Nhân Chứng
Vinh (ký tên) Đan + Nguyễn (tên)
Đan + Nguyễn (tên)

THÁI BÌNH - QUANG

VIỆT - NAM
(SUD VIET NAM)

QUỐC - GIA VIỆT - NAM
ÉTAT - DU - VIỆT - NAM

Quận Độc - Lập
(Délégation)

Tổng An - Trung

Caotom

Làng Tân - Vĩnh - Hòa
(Village)

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT - NAM

(ÉTAT CIVIL VIETNAMIEN)

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH NĂM 1970
(Extrait du registre des acte, de naissance de l'année)

LÀNG Tân - Vĩnh - Hòa
(Village)

TỈNH SaĐooc
(Province)

(NAM-VIỆT
(Sud Việt-Nam))

NĂM 1970 SÓ HIỆU 612
(Année) (Acte N.)

Bộ trưởng Bộ Nội Vụ
Độc-trách Hộ-tịch

Uohaw



TRÍCH LỤC
SỐ QUÂN/HỘ TỊCH
SỐ QUÂN/HỘ TỊCH

Tên họ đứa con nít «Nom et prénoms de l'enfant»	<u>DƯƠNG-HỮU-TÔNG</u>
Nam hay Nữ «Sex de l'enfant»	<u>Nam</u>
Sinh ngày nào «Date de naissance»	<u>Mười tám tháng mười năm 1970</u>
Sinh tại chỗ nào «Lieu de naissance»	<u>Tân-Vĩnh-Hòa ấp Phú-Hỷ</u>
Tên họ cha «Nom et prénoms du père»	<u>DƯƠNG-VĂN-VIÊN</u>
Cha làm nghề gì «Sa profession»	<u>Quân-thôn</u>
Nhà cửa ở đâu «Son domicile»	<u>KĐ 4498</u>
Tên họ mẹ «Nom et prénoms de la mère»	<u>BÙI-NGO-ANH</u>
Mẹ làm nghề gì «Sa profession»	<u>Hội-trợ</u>
Nhà cửa ở đâu «Son domicile»	<u>Tân-Vĩnh-Hòa</u>
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	<u>Vợ chánh</u>

Chúng tôi
Nous

Quận-trưởng Quận
Député Administratif

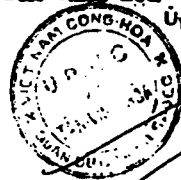
Chứng cho hợp pháp chữ ký tên ngang đây của
Certifions l'authenticité des signatures opposés ci contre des

Ủy-Ban Hành-Chánh Xã
Conseillers communaux du village de

ngày tháng năm 197
Quận-Trưởng,
Député Administratif

TRÍCH Y BỐN CHÍNH

Tân-Vĩnh-Hòa ngày 20 tháng 10 năm 1970



Ủy-Viên Hộ-Tịch

THÁI BÌNH QUẬN

KHAI SANH



Tên họ đủ nhì :	ĐUYN-THI-THUC
Phái :	Nữ
Sinh :	15 tháng giêng năm 1973
Ngày, tháng, năm	
Tại :	Đã-sinh (Sinh ở nhà)
Cha :	ĐUYN-VAN-VINH
Tên họ	
Tuổi :	27 tuổi
Nghề :	Quân nhân
Cư-trú tại :	KHC. 102
Mẹ :	ĐUYN-VAN-VINH
Tên họ	
Tuổi :	27 tuổi
Nghề :	Ngũ-tỷ
Cư-trú tại :	Tân-Vĩnh-Hoa
Vợ :	Vợ chính
Chính hay thờ	
Người khai :	ĐUYN-VAN-VINH
Tên họ	
Tuổi :	27 tuổi
Nghề :	Quân nhân
Cư-trú tại :	KHC. 102
Ngày khai :	15 tháng 01 năm 1973
Người chứng thứ nhất :	ĐUYN-VAN-VINH
Tên họ	
Tuổi :	40 tuổi
Nghề :	Quân nhân
Cư-trú tại :	Tân-Vĩnh-Hoa
Người chứng thứ nhì :	TRUYN-THI-THUC
Tên họ	
Tuổi :	40 tuổi
Nghề :	Quân nhân
Cư-trú tại :	Tân-Vĩnh-Hoa

MIỀN THỰC

Đã-sinh VI. 4355/BNV/MC/29
 tại Đ. H. V. ngày 3-8-1970

Lập tại X. Tân-Vĩnh-Hoa ngày 1 tháng 01 1973

Người khai

X. TRƯỞNG

Nhân Chứng

Hệ-ly viên-Hệ-Tịch

Ủy-treas-truợc

Ký tên : Linh

LM

Đã-sinh VI. 4355/BNV/MC/29

tại Đ. H. V. ngày 3-8-1970



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã Thi trấn Phước Long
Thị xã, Quận Định Hòa
Thành phố, Tỉnh Thanh Hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT3/78

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 44
Quyển số

Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Xuân Mai</u>		Nam, nữ <u>Ấu</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>Ngày hai mươi, tháng mười, năm một nghìn chín trăm mười hai (20.10.1952)</u>		
Nơi sinh	<u>Xã Phước Long, Sadec</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Nguyễn Kim Sơn</u>	<u>Bùi Thị Hải</u>	
Dân tộc			
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp			
Nơi ĐKKK thường trú			
Họ tên, tổ, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đăng khai			



NHÂN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Số 330 / 103

Đăng ký ngày 12 tháng 12 năm 1962
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Ngày 15 tháng 11 năm 1982
T.M.UBND - Ủy ban nhân dân xã Thi trấn Phước Long

HỘI VIÊN PHỤ DANH

(Đã ký)

Trần Hữu Sơn



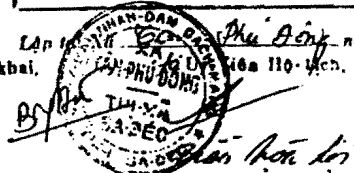
SỐ HIỆU 5H

KHAI SANH



Tên họ họ nội	Dương Chiến Cường
Phái . . .	Nam
Sinh	Ngày 18 tháng 4 năm 1976
Ngày, tháng, năm	
Tuổi . .	Đến Đại Đồng Tuổi Đồng Cháp
Cha	Dương Văn Vĩnh
Tên họ	
Tuổi .	Ba mươi tuổi
Nhà	Học Bậc tại Trại Cải Huan
Cư trú tại	11/8 Phan - Thanh - Giản
Mẹ	Bùi Ngọc Anh
Tên họ	
Tuổi .	Hai mươi chín tuổi 29
Nghề . .	Buôn bán
Cư trú tại	11/8 Phan - Thanh - Giản
Vợ	Đỗ Chanh
Chồng hay thứ	
Người khai	Bùi Ngọc Anh
Tên họ	
Tuổi .	Hai mươi chín tuổi 29
Nghề . .	Buôn bán
Cư trú tại	11/8 Phan - Thanh - Giản
Nhảy khai	Bùi Ngọc Anh
Người chứng từ chữ:	Bác Sĩ Hải
Tên họ	
Tuổi . . .	143/1 Dương - Lương - Tuấn
Nghề	
Cư trú tại . . .	
Sau có chứng từ chữ:	
Tên họ	
Tuổi	
Nghề	
Cư trú tại . . .	

LAP ĐẠI DỒNG ngày 5. 10. 76 năm 1976
 Người khai, ĐẠI DỒNG địa 110-40, Nhà Cường.



Fr: Dương Văn Vĩnh
11/8 đường Nguyễn Huệ
Khóm I, Phường II Thới
SADEC - Đồng Tháp.

Shi
Bnwr
II

TO: Minh - Phụng.

P.O. BOX. 5435.

ARLINGTON VA. 22205-0635

U.S.A.



VIA AIR MAIL PAR AVION